

HƯỚNG DẪN

Thiết lập và Quy trình cấp mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(kèm theo Công văn số 3551/SNN-TTBVTV ngày 08/8/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

I. THIẾT LẬP VÙNG TRỒNG, CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Thiết lập vùng trồng

Vùng trồng tuân thủ, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu được quy định tại mục 1 của Hướng dẫn Thiết lập và Quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu (sau đây gọi tắt là Hướng dẫn) để làm căn cứ cấp mã số vùng trồng. Cụ thể như sau:

1.1. Yêu cầu chung

- Vùng sản xuất chủ yếu một loại cây trồng, có thể bao gồm nhiều điểm sản xuất được quản lý bởi cùng một quy trình sản xuất.

- Vùng trồng áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP); có quy trình sản xuất chung và sử dụng thống nhất một quy trình quản lý sinh vật gây hại; các hoạt động ở vườn trồng được ghi chép đầy đủ phục vụ truy xuất nguồn gốc; nhân sự chủ chốt được tập huấn về giám sát và kiểm soát sinh vật gây hại; đảm bảo thực hiện đúng các quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phòng chống sinh vật gây hại.

- Diện tích của vùng trồng tối thiểu là 10 ha trừ trường hợp nước nhập khẩu có yêu cầu khác.

- Diện tích các sản phẩm trồng trong nhà kính, nhà lưới hoặc các sản phẩm dược liệu, rau gia vị, các sản phẩm được trồng ở khu vực miền núi địa hình khó khăn thì theo tình hình thực tế, cụ thể ở địa phương trên cơ sở đảm bảo quy mô sản xuất hàng hóa và khả năng kiểm soát sinh vật gây hại.

1.2. Yêu cầu về biện pháp quản lý sinh vật gây hại

- Theo dõi tình hình sinh vật gây hại thường xuyên, khuyến khích áp dụng theo tiêu chuẩn quốc tế số 6 về Hướng dẫn giám sát dịch hại (ISPM 6), ghi chép đầy đủ về tình hình phát sinh, phát triển và phòng chống sinh vật gây hại. Đối với các trường hợp có yêu cầu cụ thể từ nước nhập khẩu như Trung Quốc thì việc giám sát sinh vật gây hại theo ISPM 6 là bắt buộc.

- Có biện pháp quản lý cụ thể cho từng nhóm sinh vật gây hại tùy thuộc vào sản phẩm cây trồng để bảo đảm tình trạng sinh vật gây hại ở mức độ thấp. Thực hiện treo bẫy (bả, dính...) để giám sát sinh vật gây hại tại vườn trồng.

- Tuân thủ hướng dẫn của đơn vị được phân công thực hiện nhiệm vụ quản lý về mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói tại địa phương đối với việc kiểm soát và phòng chống sinh vật gây hại.

- Khuyến khích áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) hoặc quản lý sức khỏe cây trồng (IPHM).

1.3. Yêu cầu về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón

- Chỉ sử dụng thuốc BVTV có trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam và phân bón được phép lưu hành tại Việt Nam, đảm bảo không sử dụng các hoạt chất cấm theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Tuân thủ quy định về sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 04 đúng (*đúng thuốc, đúng liều lượng nồng độ, đúng lúc, đúng cách*), theo hướng dẫn của nhà sản xuất và đảm bảo thời gian cách ly, khuyến khích sử dụng phân bón hữu cơ và thuốc BVTV sinh học.

- Vùng trồng phải thực hiện thu gom bao bì thuốc BVTV và các loại vật tư nông nghiệp khác đã qua sử dụng theo quy định.

1.4. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Có biện pháp quản lý và giám sát các chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV trên nông sản đảm bảo không vượt quá mức dư lượng tối đa cho phép của Việt Nam và nước nhập khẩu.

- Khuyến khích xây dựng chương trình giám sát về dư lượng thuốc BVTV.

1.5. Yêu cầu về ghi chép hồ sơ

- Phải có sổ nhật ký canh tác ghi chép lại các tác động lên cây trồng trong một vụ canh tác. Trong đó, đảm bảo có đầy đủ các thông tin như:

+ Giai đoạn sinh trưởng của cây trồng.

+ Sinh vật gây hại phát hiện trong quá trình chăm sóc cây trồng, điều tra.

+ Nhật ký sử dụng phân bón: ngày tháng, loại phân bón, tổng lượng sử dụng, phương pháp sử dụng.

+ Nhật ký sử dụng thuốc BVTV: ngày tháng xử lý, tên thương mại, tên hoạt chất, đối tượng phòng trừ, liều lượng xử lý.

+ Ghi chép thông tin liên quan đến việc thu hoạch và tiêu thụ sản phẩm: sản lượng dự kiến, sản lượng thực tế, thông tin người mua, cơ sở đóng gói và mã số cơ sở đóng gói.

+ Các hoạt động khác (*nếu có*).

- Vùng trồng có thể sử dụng hồ sơ ghi chép của VietGAP, GlobalGAP, hoặc chứng nhận khác nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin yêu cầu nêu trên.

- Sổ nhật ký canh tác có thể được lập chung cho cả vùng trồng hoặc riêng cho từng hộ sản xuất tham gia trong vùng trồng. Trường hợp lập chung cho cả vùng trồng thì phải ghi chép rõ những điểm khác nhau nếu có giữa các hộ sản xuất trên điểm sản xuất.

- Nhật ký canh tác có thể ghi chép bằng tay hoặc sử dụng dưới dạng điện tử/phần mềm trừ trường hợp cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có yêu cầu

khác. Từng bước tiến tới yêu cầu bắt buộc sử dụng phần mềm Nhật ký đồng ruộng Farmdiary (được Cục Bảo vệ thực vật cung cấp và tập huấn sử dụng miễn phí).

1.6. Yêu cầu về nhân sự

- Vùng trồng có nhân sự được tập huấn về quy định của nước nhập khẩu, điều tra, nhận diện, phòng chống sinh vật gây hại và ghi chép hồ sơ.

- Hồ sơ tập huấn phải được lưu lại đầy đủ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của nước nhập khẩu.

1.7. Yêu cầu khác

- Đảm bảo vệ sinh đồng ruộng, thu dọn và tiêu hủy tàn dư thực vật để tránh tái lây nhiễm.

- Trong quá trình thu hoạch cần áp dụng các biện pháp để tránh sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với đất và tái nhiễm sinh vật gây hại.

- Vùng trồng có nhiều hộ sản xuất phải có người đại diện để thực hiện việc trao đổi, tiếp nhận và truyền tải thông tin với cơ quan quản lý nhà nước và các bên liên quan.

2. Thiết lập cơ sở đóng gói

Cơ sở đóng gói tuân thủ, đáp ứng đầy đủ những yêu cầu được quy định tại mục 2 của Hướng dẫn Thiết lập và Quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản xuất khẩu để làm căn cứ cấp mã số cơ sở đóng gói, cụ thể như sau:

2.1. Yêu cầu chung

Cơ sở đóng gói là khu vực tập trung, phân loại, sơ chế, bảo quản, và đóng gói nông sản có nguồn gốc thực vật được bố trí theo nguyên tắc một chiều và có quy trình phù hợp với quy định pháp luật về đóng gói của Việt Nam và tuân thủ các yêu cầu của nước nhập khẩu về quản lý sinh vật gây hại, đảm bảo an toàn thực phẩm.

Mã số cơ sở đóng gói là mã số được cấp cho một cơ sở đóng gói có áp dụng các biện pháp kiểm soát quá trình đóng gói sản phẩm, sinh vật gây hại, đảm bảo truy xuất nguồn gốc nông sản và các điều kiện kỹ thuật theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

Cơ sở đóng gói cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Cơ sở vật chất: có các phân khu chức năng riêng biệt, có nền cứng, không đọng nước, các cửa phải kín và bảo đảm ngăn sự ngừa lây nhiễm, tái lây nhiễm, lây nhiễm chéo sinh vật gây hại giữa các phân khu và từ bên ngoài, bảo đảm nguyên tắc một chiều.

- Trang thiết bị: có đủ trang thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc tiếp nhận, phân loại, sơ chế, loại bỏ sinh vật gây hại, đóng gói, bảo quản theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Quy trình đóng gói: bảo đảm thực hiện theo nguyên tắc một chiều, các bước cơ bản của quy trình bao gồm tiếp nhận, phân loại, sơ chế và loại bỏ sinh vật

gây hại, đóng gói, bảo quản, kiểm tra trước khi xuất hàng. Đối với mỗi công đoạn đều cần phân công người phụ trách việc ghi chép và giám sát thực hiện. Quy trình đóng gói đáp ứng yêu cầu của nước nhập khẩu và cần phải được xây dựng thành tài liệu phổ biến cho nhân công, người lao động trong nhà đóng gói.

- Người lao động: phải được trang bị đầy đủ kiến thức về kiểm soát các sinh vật gây hại, an toàn thực phẩm và quy trình đóng gói tại cơ sở đóng gói; được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động.

- Hồ sơ: có hồ sơ ghi chép các hoạt động liên quan đến việc tiếp nhận, phân loại, đóng gói và vận chuyển sản phẩm tại cơ sở đóng gói phục vụ quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

2.2. Yêu cầu về hồ sơ

Cơ sở đóng gói cần xây dựng, lưu giữ và cập nhật thường xuyên các loại hồ sơ chủ yếu sau:

- Quy trình đóng gói (SOP), mô tả chi tiết tất cả các hoạt động liên quan đến việc tiếp nhận, phân loại, xử lý, đóng gói, kiểm tra kiểm dịch thực vật trước khi xuất kho (nếu có) và vận chuyển nông sản.

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ và quy trình đóng gói đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm soát sinh vật gây hại.

- Hồ sơ nguồn gốc nông sản: cần được ghi chép đầy đủ, thường xuyên các thông tin liên quan đến khối lượng của lô hàng, mã số vùng trồng, thông tin khách hàng và đơn vị xuất khẩu.

- Hồ sơ kiểm soát sinh vật gây hại: cần có quy trình kiểm soát sinh vật gây hại và ghi chép thường xuyên thời gian kiểm tra, danh sách sinh vật gây hại phát hiện được, số lượng cá thể phát hiện, biện pháp xử lý, sơ đồ đặt bẫy, tần suất kiểm tra và thay bẫy, sử dụng hóa chất tại cơ sở đóng gói.

- Hồ sơ vệ sinh, bảo vệ môi trường: cần ghi chép đầy đủ thời gian, khu vực, người thực hiện, hóa chất sử dụng tại cơ sở đóng gói; biện pháp quản lý chất thải và hợp đồng xử lý chất thải (nếu có); thực hiện khử trùng (nếu có). Lưu ý: ghi chép đầy đủ thông tin về thời gian khử trùng, thuốc khử trùng và nồng độ xử lý, đơn vị thực hiện.

- Hồ sơ nhân sự: danh sách nhân viên làm việc tại cơ sở đóng gói; hợp đồng lao động, giấy khám sức khỏe (nếu có).

- Hồ sơ tập huấn: ghi chép các lớp tập huấn, nội dung tập huấn; danh sách nhân viên tham gia tập huấn của mỗi lớp; thời gian, địa điểm, hình ảnh và đơn vị tập huấn; chứng nhận của nhân viên tham gia tập huấn (nếu có).

- Các hồ sơ liên quan khác: hồ sơ phòng cháy chữa cháy theo quy định, hồ sơ phòng chống dịch bệnh theo yêu cầu cụ thể của nước nhập khẩu (nếu có).

2.3. Yêu cầu về nhân sự

Nhân viên làm việc tại các cơ sở đóng gói cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có đủ sức khoẻ.

- Nhân viên kỹ thuật phải được tập huấn về quy định của nước nhập khẩu, các bước trong quy trình đóng và nhận diện sinh vật gây hại, biện pháp giám sát và phòng chống sinh vật gây hại tại nhà đóng gói, biện pháp xử lý hàng hóa không đạt yêu cầu xuất khẩu.

- Nhân sự thực hiện chọn lọc hàng hóa, đóng gói phải được tập huấn về nhận diện và cách thức loại bỏ sinh vật gây hại.

2.4. Yêu cầu về quản lý và kiểm soát sinh vật gây hại

- Nhà đóng gói phải có biện pháp kiểm soát sinh vật gây hại có khả năng đi theo và tái nhiễm vào nông sản xuất khẩu theo quy định của nước nhập khẩu hoặc theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật hoặc cơ quan chuyên môn tại địa phương.

- Không thực hiện đóng gói cùng một lúc nhiều sản phẩm hoặc đóng gói cùng một sản phẩm xuất khẩu đi nhiều thị trường hoặc đóng gói sản phẩm xuất khẩu và sản phẩm tiêu thụ nội địa để tránh lây nhiễm chéo.

- Bố trí đầy đủ bẫy (đèn, dính) côn trùng và bẫy chuột để theo dõi.

- Phải bố trí cán bộ kỹ thuật đã được tập huấn thực hiện kiểm tra tất cả các lô hàng trước khi xuất kho để đảm bảo hàng nông sản xuất khẩu không bị nhiễm chéo sinh vật gây hại.

2.5. Yêu cầu về nguồn gốc nông sản

- Nông sản phải được thu mua từ vùng trồng đã được cấp mã số vùng trồng xuất khẩu.

- Có các biện pháp để đảm bảo truy xuất nguồn gốc nguyên liệu sử dụng trong nhà đóng gói.

2.6. Yêu cầu về vệ sinh và xử lý chất thải

- Thiết bị, dụng cụ tiếp nhận, phân loại, sơ chế và đóng gói sản phẩm cần được vệ sinh thường xuyên đảm bảo sạch sẽ đáp ứng quy định.

- Phun khử trùng định kỳ hàng tháng/quý/năm hoặc theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

- Việc vận chuyển rác thải và phế phẩm sau khi đóng gói cần đi theo một đường riêng không đi chung với đường vận chuyển sản phẩm. Địa điểm tập kết xử lý rác thải, phế phẩm cần được bố trí ở khu vực bên ngoài cơ sở đóng gói. Toàn bộ rác thải và phế phẩm từ quá trình đóng gói cần được thu gom và xử lý theo quy định.

- Nước thải cần được xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường.

2.7. Yêu cầu khác

- Tuân thủ theo các yêu cầu cụ thể khác của nước nhập khẩu.

- Trường hợp cơ sở đóng gói có thay đổi về người đại diện hoặc quy mô, cấu trúc thì phải báo cáo cơ quan chuyên môn tại địa phương. Sau đó, cơ quan chuyên

môn tại địa phương xác minh lại thông tin và báo cáo cho Cục Bảo vệ thực vật để thông báo, đàm phán với nước nhập khẩu.

- Phải kiểm tra sản phẩm trước khi xuất kho để bảo đảm tuân thủ các quy định kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu; thường xuyên lấy mẫu kiểm tra các chỉ tiêu về dư lượng thuốc BVTV.

II. QUY TRÌNH CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

A. Hồ sơ đăng ký cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

1. Hồ sơ vùng trồng của tổ chức cá nhân đăng ký bao gồm

- 1.1. Tờ khai kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục I. Mẫu 1 Tờ khai kỹ thuật
- 1.2. Nhật ký canh tác (01 vụ gần nhất) theo quy định tại Phụ lục I. Mẫu 3 Nhật ký canh tác.
- 1.3. Ghi chép việc giám sát sinh vật gây hại theo Tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp KDTV số 6 nếu nước nhập khẩu có yêu cầu cụ thể theo quy định tại Phụ lục I. Mẫu 4 ISPM 6.
- 1.4. Quy trình kiểm soát sinh vật gây hại tại vùng trồng. (Vùng trồng xây dựng)
- 1.5. Các loại chứng nhận VietGAP, hữu cơ, sản xuất an toàn... (nếu có).
(photo kèm theo hồ sơ)
- 1.6. Văn bản thể hiện sự nhất trí tham gia vùng trồng và sự đồng thuận của các hộ nông dân cho tổ chức hoặc cá nhân đại diện vùng trồng và quản lý sử dụng mã số sau khi được phê duyệt.
(*áp dụng đối với trường hợp vùng trồng có nhiều hộ nông dân cùng tham gia*).
- 1.7. Hồ sơ khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu. (nếu có)
(Ví dụ: Báo cáo giám sát ruồi đục quả 3 tháng gần nhất áp dụng với cây có múi, xoài xuất khẩu sang thị trường EU...)

Lưu ý: Thành phần hồ sơ có thể thay đổi theo các hướng dẫn phát sinh của Cục Bảo vệ thực vật và yêu cầu của nước nhập khẩu.

2. Hồ sơ đăng ký cấp mã số cơ sở đóng gói bao gồm

- 2.1. Tờ khai kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục I. Mẫu 2 Tờ khai kỹ thuật.
- 2.2. Quy trình đóng gói và sơ đồ mặt bằng nhà đóng gói.
- 2.3. Hồ sơ truy suất nguồn gốc sản phẩm; quản lý sinh vật gây hại; vệ sinh khử khuẩn nhà xưởng.
- 2.4. Hồ sơ người lao động.
- 2.5. Hồ sơ khác theo yêu cầu của nước nhập khẩu (nếu có).

(Ví dụ: Đối với thị trường Hoa Kỳ: phải cung cấp được các thông số xử lý bản đồ chiếu xạ; Chứng nhận tập huấn cho nhân viên; tên và hình ảnh hóa chất xử

lý sản phẩm; Quy trình phân biệt hàng trong và ngoài chương trình xuất khẩu; Hồ sơ phải bao gồm tiếng Anh và Tiếng Việt...)

Lưu ý: Thành phần hồ sơ có thể thay đổi theo các hướng dẫn phát sinh của Cục Bảo vệ thực vật và yêu cầu của nước nhập khẩu.

B. Quy trình cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói

Tùy thuộc vào quy định cụ thể của từng thị trường mà cách thức cấp, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói khác nhau. Quy trình cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được thực hiện như sau:

Bước 1: Tiếp nhận đề nghị

- Tiếp nhận hồ sơ: Hồ sơ đăng ký gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; địa chỉ: số 292 Quốc lộ 22B, khu phố Long Trung, phường Long Thành Trung, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh (gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện).

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, phù hợp của hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ chưa phù hợp, còn thiếu sót sẽ thông báo bằng văn bản cho vùng trồng, cơ sở đóng gói.

Bước 2: Kiểm tra thực tế

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiến hành kiểm tra thực tế theo quy định của từng thị trường để làm căn cứ cấp mã số đối với những vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói đáp ứng các điều kiện của Việt Nam và nước nhập khẩu.

- Công tác kiểm tra, đánh giá thực tế thực hiện theo nội dung kiểm tra tại Mẫu 1 (đối với vùng trồng) và Mẫu 2 (đối với cơ sở đóng gói) của Phụ lục II. Cụ thể:

a) Đạt: khi vùng trồng, cơ sở đóng gói đáp ứng đủ các tiêu chí trong Mẫu 1, Mẫu 2 của Phụ lục II.

b) Không đạt: khi vùng trồng, cơ sở đóng gói không đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí trong Mẫu 1 và Mẫu 2 của Phụ lục II.

Trong trường hợp kết quả kiểm tra cho thấy vùng trồng, cơ sở đóng gói cần khắc phục, Chi cục sẽ tiến hành kiểm tra lại theo đề nghị của vùng trồng, cơ sở đóng gói.

Bước 3: Báo cáo kết quả

Căn cứ kết quả kiểm tra và hồ sơ đã hoàn thiện, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cấp mã số xuất khẩu, tổng hợp danh sách các vùng trồng, cơ sở đóng gói đã đáp ứng yêu cầu (kèm theo mã số đã cấp) gửi Cục Bảo vệ thực vật để thực hiện đàm phán với nước nhập khẩu. Đồng thời Chi cục sẽ thông báo cho vùng trồng, cơ sở đóng gói biết.

Bước 4: Đàm phán để nước nhập khẩu cấp mã số

Cục Bảo vệ thực vật gửi danh sách vùng trồng, cơ sở đóng gói đáp ứng yêu cầu cho nước nhập khẩu để được phê duyệt hoặc cấp mã số. Thời điểm gửi danh sách này có thể là gửi ngay sau khi nhận được báo cáo của địa phương hoặc

định kỳ tùy thuộc vào yêu cầu của nước nhập khẩu (ví dụ: Hoa Kỳ thì gửi ngay sau khi nhận đầy đủ thông tin, Hàn Quốc thì gửi 1 tháng/1 lần, Trung Quốc thì gửi định kỳ 3 tháng/1 lần hoặc gửi đột xuất theo yêu cầu của phía Tổng cục Hải quan Trung Quốc...). Thời điểm gửi danh sách có thể thay đổi theo quy định của nước nhập khẩu, Cục Bảo vệ thực vật sẽ thông báo cho các địa phương ngay sau khi có thay đổi.

Trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu kiểm tra hoặc làm rõ hồ sơ thì Cục Bảo vệ thực vật sẽ gửi thông báo và hướng dẫn để Chi cục, các cơ quan chuyên môn địa phương và tổ chức/cá nhân đăng ký cùng phối hợp thực hiện theo yêu cầu.

Bước 5: Thông báo kết quả phê duyệt của nước nhập khẩu

Sau khi nhận được thông tin phê duyệt hoặc mã số được cấp của nước nhập khẩu, Cục Bảo vệ thực vật thông báo ngay bằng văn bản cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trong đó đề nghị rõ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải thông báo bằng văn bản cho chủ sở hữu hoặc người đại diện vùng trồng, cơ sở đóng gói, đồng thời tiến hành giám sát việc đảm bảo tuân thủ yêu cầu của nước nhập khẩu.

Bước 6: Thông báo mã số được phê duyệt

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ gửi thông báo bằng văn bản về mã số đã được phê duyệt đến tổ chức/cá nhân đề nghị cấp mã số, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố biết, phối hợp quản lý.

III. GIÁM SÁT ĐỊNH KỲ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

1. Giám sát nội bộ: do tổ chức/cá nhân được cấp mã số xây dựng kế hoạch và thực hiện, duy trì yêu cầu tại mục 1 (đối với vùng trồng) và mục 2 (đối với cơ sở đóng gói) của Hướng dẫn.

2. Giám sát định kỳ: do Trạm Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại địa phương thực hiện theo đề nghị của vùng trồng, cơ sở đóng gói, để đảm bảo vùng trồng, cơ sở đóng gói luôn duy trì tình trạng tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật tại mục 1, mục 2 của TLKT, tần suất giám sát tối thiểu 1 lần/năm và Gửi hồ sơ giám sát về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ngay sau khi hoàn thành nội dung giám sát.

Lưu ý: Đối với vùng trồng, thời điểm giám sát phải tiến hành trước thời kỳ thu hoạch (không giám sát lúc vùng trồng chưa có trái ...); đối với cơ sở đóng gói, thời điểm giám sát phải tiến hành trước vụ xuất khẩu. Do đó, vùng trồng, cơ sở đóng gói cần chủ động đề nghị bằng văn bản đến Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tại địa phương để tiến hành giám sát vào đúng thời điểm nêu trên. Việc giám sát định kỳ phải được lập thành biên bản và lưu hồ sơ.

- Công tác giám sát được thực hiện theo nội dung tại Phụ lục II Mẫu 1 (đối với vùng trồng) và Mẫu 2 (đối với cơ sở đóng gói), cụ thể:

a) Đạt: khi vùng trồng, cơ sở đóng gói đáp ứng đủ các tiêu chí tại Phụ lục II Mẫu 1 và Mẫu 2.

b) Không đạt: khi vùng trồng, cơ sở đóng gói không đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí tại Phụ lục II Mẫu 1 và Mẫu 2.

Trong trường hợp kết quả giám sát cho thấy vùng trồng, cơ sở đóng gói cần khắc phục, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ tiến hành giám sát lại theo đề nghị của vùng trồng, cơ sở đóng gói.

- Hồ sơ giám sát gửi về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật cụ thể như sau:

Đối với vùng trồng, hồ sơ gồm có:

- (1) Biên bản tại thời điểm giám sát theo Mẫu 1 của Phụ lục II;
- (2) Hình ảnh về hiện trạng hoạt động của vùng trồng tại thời điểm giám sát;
- (3) Nhật ký canh tác (bản sao 03 tháng gần nhất);
- (4) Quy trình canh tác, kiểm soát sinh vật gây hại đang được 100% hộ nông dân tham gia vùng trồng áp dụng.
- (5) Bản sao các loại giấy chứng nhận VietGAP, hữu cơ, sản xuất an toàn, ... (nếu có)
- (6) Văn bản thể hiện sự nhất trí tham gia vùng trồng và sự đồng thuận của các hộ nông dân cho tổ chức hoặc cá nhân đại diện vùng trồng và quản lý sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp.

(7) Hồ sơ ghi chép việc giám sát sinh vật gây hại theo ISPM6 nếu nước nhập khẩu có yêu cầu cụ thể.

- Đối với cơ sở đóng gói, hồ sơ gồm có:

- (1) Biên bản tại thời điểm giám sát theo Mẫu 2 của Phụ lục II;
- (2) Hình ảnh về hiện trạng hoạt động của cơ sở đóng gói tại thời điểm giám sát;
- (3) Hồ sơ về truy xuất nguồn gốc sản phẩm (nhật ký của cơ sở đóng gói) trong 03 tháng gần nhất;
- (4) Hồ sơ về quản lý sinh vật gây hại phát hiện trong quá trình đóng gói trong 03 tháng gần nhất;
- (5) Hồ sơ vệ sinh khử trùng nhà xưởng trong 03 tháng gần nhất;
- (6) Hồ sơ người lao động của cơ sở đóng gói.

Lưu ý: Thành phần hồ sơ có thể thay đổi theo các hướng dẫn phát sinh của Cục Bảo vệ thực vật và theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

IV. THU HỒI MÃ SỐ

Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói được thu hồi trong các trường hợp sau:

- Không thực hiện giám sát định kỳ.
- Không đảm bảo duy trì các điều kiện kỹ thuật theo yêu cầu nước nhập khẩu.

- Mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói có lô hàng vi phạm nhiều lần do không tuân thủ yêu cầu về kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm của nước nhập khẩu.

- Vùng trồng hoặc cơ sở đóng gói không có các biện pháp khắc phục sau khi nhận các các thông báo không tuân thủ về kiểm dịch thực vật và an toàn thực vật của nước nhập khẩu hoặc đưa ra biện pháp khắc phục không phù hợp, không hiệu quả.

- Theo yêu cầu của đại diện vùng trồng, đại diện cơ sở đóng gói hoặc đề nghị của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Tổ chức, cá nhân không trung thực trong quá trình thiết lập và sử dụng mã số vùng trồng.

- Theo yêu cầu của nước nhập khẩu.

V. LIÊN KẾT GIỮA NGƯỜI DÂN VÀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN XIN CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

1. Chủ thể sở hữu mã số vùng trồng có thể gồm:

- Cá nhân trực tiếp đứng tên mã số đối với diện tích canh tác của mình.

- Người đại diện đứng tên mã số đối với diện tích canh tác của các thành viên trong nhóm hoặc tổ sản xuất.

- Hợp tác xã hoặc doanh nghiệp đứng tên mã số cho diện tích canh tác của mình.

- Tổ chức/cá nhân không sở hữu diện tích canh tác nhưng thực hiện liên kết với các chủ thể khác có diện tích canh tác.

2. Để bảo đảm việc liên kết chặt chẽ, bền vững và có trách nhiệm, các bên tham gia cần cam kết các yếu tố sau:

- Về phía chủ thể sở hữu mã số (trừ trường hợp cá nhân/doanh nghiệp đứng tên mã số vùng trồng trên chính diện tích canh tác do mình sở hữu).

+ Làm việc với các hộ nông dân trong vùng trồng và đạt được sự đồng thuận của các hộ nông dân về việc tham gia mã số, được đại diện để đăng ký và sử dụng mã số sau khi được cấp.

+ Thông báo thường xuyên cho nông dân về việc sử dụng và tình trạng phê duyệt mã số.

+ Cam kết sử dụng mã số đúng quy định.

+ Chịu trách nhiệm trước các hộ nông dân trong mã số vùng trồng và cơ quan địa phương về việc sử dụng mã số vùng trồng đã được cấp.

- Về phía các hộ nông dân:

+ Cam kết tuân thủ quy trình sản xuất theo yêu cầu của Việt Nam và nước nhập khẩu.

+ Đồng ý tham gia vùng trồng, cử người đại diện và tuân thủ quy định của nước nhập khẩu.